

Số: 562 /QĐ-SKHHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các Sở, ban – ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-SKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-SKHHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về bổ sung, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-SKHHCN ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về bổ sung, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh văn phòng có trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC. C(06).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Dũng

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chương: 417

CHI TIẾT KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã số: 1020854

Tại Kho bạc Nhà nước quận 3

Chương 417 – Loại 100 – Khoản 103

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/L/QĐ-SKHHCN ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao
I.	Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025	47.300.000
1	Phát triển hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST	5.000.000
1.1	Xây dựng các mô hình tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST theo tiêu chuẩn quốc tế	500.000
1.2	Phát triển hệ thống thu thập và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo	900.000
1.3	Đẩy mạnh hoạt động Sàn giao dịch công nghệ hỗ trợ chuyên giao công nghệ và đổi mới sáng tạo	3.600.000
2	Nâng cao năng lực cho các thành phần hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; hình thành các hệ sinh thái ĐMST của các lĩnh vực, sản phẩm trọng điểm	3.800.000
2.1	Xây dựng đội ngũ quản trị viên tài sản trí tuệ cho các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp	1.600.000
2.2	Huấn luyện nâng cao năng lực cho các thành phần Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	1.300.000
2.3	Hỗ trợ kết nối mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	900.000
3	Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST phát triển sản phẩm và thị trường	5.000.000
3.1	Ươm tạo các ý tưởng khởi nghiệp ĐMST	3.700.000
3.2	Hình thành không gian hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp ĐMST	1.300.000

TT	Nội dung	Dự toán giao
4	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng suất, chất lượng và ĐMST	15.500.000
4.1	Huấn luyện về năng suất, chất lượng phục vụ cải tiến và đổi mới mô hình quản lý sản xuất, kinh doanh	12.000.000
4.2	Tư vấn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đo lường	2.000.000
4.3	Phát triển hệ thống huấn luyện trực tuyến về năng suất, chất lượng, đổi mới sáng tạo và quản trị tài sản trí tuệ	1.000.000
4.4	Thúc đẩy doanh nghiệp tại các Khu công nghiệp đổi mới sáng tạo	500.000
5	Thúc đẩy hoạt động ĐMST trong khu vực công	4.300.000
5.1	Khuyến khích các Sở/ngành, quận/huyện xây dựng chương trình thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực Sở/ngành, quận/huyện phụ trách	2.600.000
5.2	Hỗ trợ các sở/ngành, quận/huyện kết nối với cộng đồng doanh nghiệp, trường viện tìm kiếm ý tưởng, giải pháp sáng tạo khả thi và cùng phát triển các dự án đổi mới sáng tạo, đưa vào ứng dụng trong thực tế	1.700.000
6	Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế khởi nghiệp ĐMST	2.000.000
6.1	Hỗ trợ đưa các dự án khởi nghiệp ĐMST tiềm năng được huấn luyện, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm, tìm kiếm thị trường ở nước ngoài	1.000.000
6.2	Hỗ trợ các dự án đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp của Thành phố	500.000
6.3	Tổ chức huấn luyện nâng cao năng lực quản trị, xây dựng chính sách, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, trường đại học, tổ chức ươm tạo	500.000
7	Truyền thông khởi nghiệp ĐMST	8.800.000
7.1	Phát triển nền tảng trực tuyến hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	1.600.000
7.2	Tổ chức hoạt động truyền thông hỗ trợ ĐMST và khởi nghiệp	7.200.000
8	Đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ Đề án	2.900.000

TT	Nội dung	Dự toán giao
8.1	Báo cáo thường niên về KH&CN và ĐMST đối với các ngành và lĩnh vực trọng điểm của Thành phố	2.900.000
II.	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn TP. HCM giai đoạn 2016 - 2025	2.500.000
1	Xây dựng tài liệu các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp cho các huyện và các tỉnh thành	500.000
3	Tổ chức chuyển giao mô hình ứng dụng, tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp	1.500.000
4	Truyền thông phục vụ Chương trình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN về nông nghiệp	500.000
III.	Các hoạt động khoa học công nghệ tại Sở KHCN	25.200.000
1	Hoạt động quản lý nhà nước về KHCN (quản lý khoa học, quản lý công nghệ, quản lý SHTT, quản lý ATBX, quản lý DN KHCN, tổ chức KHCN, đào tạo, hội thảo và phối hợp tổ chức hội thảo, hợp tác, các Hội đồng tư vấn, chuyên gia, thuê khoán, các sự kiện Ngày KH&CN, ngày SHTT,... và các hoạt động khác phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN)	3.675.000
2	Dự án CNTT: Xây dựng, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ	4.600.000
3	Dự án CNTT: Số hóa hồ sơ lưu trữ tại Sở Khoa học và Công nghệ	4.000.000
4	Tổ chức Giải thưởng Sáng chế Thành phố Hồ Chí Minh	325.000
5	Hoạt động Thông tin và Thống kê KHCN	600.000
6	Hoạt động ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	10.000.000
7	Chương trình truyền thông về hoạt động KHCN trên các tạp chí theo yêu cầu của Thành phố	2.000.000

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chương: 417



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

NĂM 2023

(Bản Điều chỉnh theo Quyết định số 562 /QĐ-SKHCHN ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)

Biểu số 1

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao theo Quyết định số 1066/QĐ-SKHCHN ngày 29/12/2022 và Quyết định số 357/QĐ-SKHCHN ngày 15/5/2023					Dự toán sau điều chỉnh					
		VP Sở	Chi cục TC-DL-CL	Viện KHCHNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quý Phát triển KH&CN Thành phố	Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)	VP Sở	Chi cục TC-DL-CL	Viện KHCHNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quý Phát triển KH&CN Thành phố
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí											
1	Số thu phí, lệ phí	1.200.000	40.000	-	-	-	1.200.000	40.000	-	-	-	-
1.1	Lệ phí	10.000	40.000	-	-	-	10.000	40.000	-	-	-	-
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bưu政局		10.000				10.000					
	Lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn hợp quy		40.000					40.000				
1.2	Phí	1.190.000	-	-	-	-	1.190.000	-	-	-	-	-
	Phí thẩm định cấp phép X quang	1.110.000					1.110.000					

TT	Nội dung	Dự toán đã giao theo Quyết định số 1066/QĐ-SKH&CN ngày 29/12/2022 và Quyết định số 357/QĐ-SKH&CN ngày 15/5/2023						Dự toán sau điều chỉnh						
		VP Sở	Chi cục TC-DL-CL	Viện KH&CN TT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)	VP Sở	Chi cục TC-DL-CL	Viện KH&CN TT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố		
	<i>Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ</i>	20.000						20.000						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98.437.000	13.000.000	9.144.000	12.638.000	177.289.000	-3.412.635	97.568.555	12.959.569	6.989.326	12.357.665	177.220.249		
1	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<i>22.700.000</i>	<i>13.000.000</i>	-	-	-	-908.876	<i>21.831.555</i>	<i>12.959.569</i>	-	-	-		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.159.000	7.094.000	-	-	-	-253.000	11.032.500	6.967.500	-	-	-		
	- Chi từ ngân sách thành phố	11.159.000	7.094.000				-253.000	11.032.500	6.967.500					
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	<i>242.759</i>	<i>207.429</i>	-				<i>230.109</i>	<i>194.779</i>					
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	-	-					-	-					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.541.000	5.906.000	-	-	-	-655.876	10.799.055	5.992.069	-	-	-		
	- Chi từ ngân sách thành phố	3.797.000	1.072.000				216.000	3.926.600	1.158.400					

TT	Nội dung	Dự toán đã giao theo Quyết định số 1066/QĐ-SKHHCN ngày 29/12/2022 và Quyết định số 357/QĐ-SKHHCN ngày 15/5/2023						Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh									
		VP Sở	Chi cục TC-ĐL-CL	Viện KH&CNNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố	VP Sở		Chi cục TC-ĐL-CL	Viện KH&CNNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố						
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	276.900	73.400			Quỹ Phát triển KH&CN Thành phố												
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	7.744.000	4.834.000				-871.876											
	<i>Trong đó: chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03</i>	7.744.000	4.834.000				-871.876											
2	<i>Sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>	75.737.000		9.144.000	12.638.000	177.289.000	-2.503.759					6.989.326	12.357.665	177.220.249				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài/dự án nghiên cứu khoa học)					170.000.000												170.000.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ KH&CN tại Sở)	75.000.000																
2.3	Kinh phí cấp cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc	-		9.144.000	12.638.000	7.289.000	-2.503.759					6.989.326	12.357.665	7.220.249				

TT	Nội dung	Dự toán đã giao theo Quyết định số 1066/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2022 và Quyết định số 357/QĐ-SKHCN ngày 15/5/2023					Dự toán sau điều chỉnh					
		VP Sở	Chi cục TC-ĐL-CL	Viện KHCNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Ủy Phát triển KH&CN Thành phố	Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)	VP Sở	Chi cục TC-ĐL-CL	Viện KHCNTT	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Ủy Phát triển KH&CN Thành phố
	- Kinh phí thường xuyên			3.460.000	5.020.000	2.279.000	-1.058.000		2.402.000	5.020.000	2.279.000	
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	-		21.060	24.700	15.600		-	13.260	24.700	15.600	
	- Kinh phí không thường xuyên	-		5.684.000	7.618.000	5.010.000	-1.445.759		4.587.326	7.337.665	4.941.249	
	+ Chi từ ngân sách thành phố			3.527.000	3.328.000	3.657.000	19.800		3.527.000	3.328.000	3.676.800	
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>			24.700	28.000	11.700			24.700	28.000	11.700	
	+ Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố			2.157.000	4.290.000	1.353.000	-1.465.559		1.060.326	4.009.665	1.264.449	
	<i>Trong đó chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03</i>			2.157.000	4.290.000	1.353.000	-1.465.559		1.060.326	4.009.665	1.264.449	
2.4	Kinh phí cấp cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc còn lại theo dõi tại Văn phòng Sở	737.000						737.000				

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã số: 1020854

Tại Khoa bạc Nhà nước quận 3

Chương 417 – Loại 340 – Khoản 341

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 9 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Nội dung	Tổng số
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	1.200.000
1.1	Lệ phí	10.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bưu xã	10.000
1.2	Phí	1.190.000
	Phí tham định cấp phép X quang	1.110.000
	Phí tham định cấp phép hoạt động KHCN	60.000
	Phí tham định hợp đồng chuyên gia công nghệ	20.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.200.000
3.1	Lệ phí	10.000
	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bưu xã	10.000
3.2	Phí	1.190.000
	Phí tham định cấp phép X quang	1.110.000
	Phí tham định cấp phép hoạt động KHCN	60.000
	Phí tham định hợp đồng chuyên gia công nghệ	20.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	97.568.555
1	Chi quản lý hành chính	21.831.555
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.032.500
	- Chi từ ngân sách thành phố	11.032.500
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	230.109
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.799.055
	- Chi từ ngân sách thành phố	3.926.600
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	275.316

Đơn vị: 1.000 đồng



TT	Nội dung	Tổng số
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	6.872.455
	Trong đó: chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐND	6.872.455
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	75.737.000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (để tài/dự án nghiên cứu khoa học)	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Sở)	75.000.000
2.3	Kinh phí cấp cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (giữ lại theo dõi tại Văn phòng Sở)	737.000

Ghi chú: Chi tiết kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên):

TT	Nội dung	Dự toán giao	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm
1	Chi quản lý hành chính	10.799.055	10.523.739
1	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/HĐND	6.872.455	6.872.455
2	Chương trình tuyển tuyển phổ biến Luật SIIT	250.000	250.000
3	Phòng trao sáng tạo khoa học kỹ thuật	1.454.000	1.308.600
4	Hoạt động thanh tra, kiểm tra KH&CN	519.160	467.244
5	Tăng cường năng lực cho cán bộ công chức thực thi quyền sở hữu trí tuệ	20.000	20.000
6	Trang phục đồng phục	38.000	38.000
7	Kinh phí hoạt động thanh tra xử phạt VPHC	220.000	211.000
8	Sửa chữa nhà cửa	488.000	439.200
9	Sửa chữa đại tu xe ô tô	-	-
10	Mua sắm tài sản cố định	422.000	409.800
	- Máy tính xách tay core I5 (05 cái)	75.000	75.000
	- Mua máy để bàn core I5 (09 cái)	135.000	135.000
	- Máy photocopy (01 cái)	90.000	90.000
	- Camera họp Hội nghị trực tuyến (01 cái)	20.000	18.000
	- Tu dụng hồ sơ (05 cái)	25.000	22.500
	- Bàn làm việc (08 cái)	40.000	36.000

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm
	- Ghế xoay cho nhân viên (18 cái)	16.000	14.400
	- Máy in (03 cái)	21.000	18.900
11	Kinh phí thực hiện kiểm soát TTHC	15.840	15.840
12	Kinh phí hoạt động công tác Đảng	100.000	100.000
13	Kinh phí hoạt động thu phí, lệ phí	80.000	72.000
14	Kinh phí duy trì hoạt động ISO	80.000	80.000
15	Hoạt động tuyên truyền phổ biến PL, tăng cường năng lực cho CBCS trong lĩnh vực KH&CN	60.000	60.000
16	Trợ cấp thời việc	50.000	50.000
17	Chăm lo Tết Quý Mão năm 2023	129.600	129.600
II.	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	75.737.000	75.737.000
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nhiệm vụ khoa học công nghệ tài Sở)	75.000.000	75.000.000
1.1	Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo TP.HCM giai đoạn 2021 - 2025	47.300.000	47.300.000
1.2	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN về nông nghiệp thúc đẩy phát triển KT-XH nông thôn trên địa bàn TP. HCM giai đoạn 2016 - 2025	2.500.000	2.500.000
1.3	Các hoạt động KH&CN tại Sở KH&CN	25.200.000	25.200.000
2	Kinh phí cấp cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (giữ lại theo dõi tại Văn phòng Sở)	737.000	737.000

